TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2024/DS-ST
Ngày 21-06-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Kim Nhung**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Đời**.
2. Ông **Nguyễn Kim Thành**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Tín -** Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Quyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 279/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 04 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2024 ngày 23 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1)** - Địa chỉ: 266 - 268 N, phường 8, quận 3, thành phố H. Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D,** chức vụ: Tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông **Hoàng Thanh H**, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP S tại thành phố Đà Nẵng.

Người được ủy quyền: ông **Nguyễn Hữu T**, chức vụ: Chuyên viên Quản lý nợ, theo Quyết định v/v ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số: 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Tổng giám đốc Ngân hàng S (S1) và Giấy ủy quyền v/v tham gia tố tụng số: 15.4A/2024/GUQ-CNĐN ngày 15/4/2024 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP S tại thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

2. Bị đơn: **Bà Phạm Thị D1**; sinh năm: 1974. Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ 108, Tầng 01, Đ 4 A, khu C, tổ 90, phường N, quận S, thành phố Đ. Địa chỉ liên hệ: 07 V, phường T, quận S, thành phố Đ. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ông Nguyễn Hữu T trình bày:*

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, ngân hàng TMCP S có ký hợp đồng tín dụng với bà Phạm Thị D1 thep hợp đồng tính dụng số: LD 1927300094 ngày 30/09/2019 (cho vay tiêu dùng không áp dụng biện pháp bảo đảm). Mục đích vay: Tiêu dùng. Thời hạn vay: 48 tháng. Lãi suất: 10%/năm. Các kỳ trả vốn lãi vào ngày: 20 hàng tháng. Số tiền vay: 90,000,000 đồng (chín mươi triệu đồng). Thời điểm phát sinh quá hạn: 20/10/2022. Thời điểm trả hết nợ: 30/09/2023. Trong quá trình vay bà Phạm Thị D1 đã thanh toán cho Ngân hàng từ ngày 20/10/2019 đến ngày 20/09/2022 với số tiền: 94,500,000 đồng, trong đó thanh toán số tiền gốc: 67,500,000 đồng, thanh toán số tiền lãi: 27,000,000 đồng. Bà Phạm Thị D1 đã không thanh toán nợ cho Ngân hàng từ ngày 20/10/2022 cho đến nay và khoản vay của Bà Phạm Thị D1 chuyển quá hạn. Trong quá trình vay vốn, bà Phạm Thị D1 không thực hiện đúng nội dung đã cam kết trong hợp đồng tín dụng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Phạm Thị D1 vẫn không có thiện chí trả nợ vay. Hiện tại, toàn bộ nợ vay của bà Phạm Thị D1 đã chuyển sang nợ quá hạn. Do vậy, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Hội đồng xét xử buộc và Phạm Thị D1 phải trả số tiền **36,673,921 đồng** tính đến ngày 21/06/2024. Trong đó: Nợ gốc: 22,500,000 đồng. Lãi trong hạn: 9,000,000 đồng (tính từ ngày 20/10/2022 (thời điểm phát sinh quá hạn) đến ngày 30/09/2023 là thời hạn chấm dứt hợp đồng, lãi suất 10%/ năm). Lãi quá hạn: 5,173,921 đồng (tính từ ngày chuyển nợ quá hạn ngày 20/10/2022 đến ngày 21/06/2024): bao gồm lãi quá hạn vốn: 4,084,675 đồng (lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc quá hạn tính bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn); lãi chậm trả: 1,089,247 đồng (lãi suất trên số dư lãi chậm trả tính bằng 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả) và lãi quá hạn sẽ tiếp tục được tính từ ngày 22/06/2024 cho đến khi bà Phạm Thị D1 thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị D1 vắng mặt nên không có lời khai.*

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ thụ lý cho đến phiên toà xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 303, Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; căn cứ vào các điều khoản của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, đề nghị HĐXX:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bà Phạm Thị D1.

Tuyên buộc bà Phạm Thị D1 phải thanh toán nợ vay cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi phát sinh: **36,673,921 đồng** tính đến ngày 21/06/2024. Trong đó: Nợ gốc: 22,500,000 đồng. Lãi trong hạn: 9,000,000 đồng (tính từ ngày 20/10/2022 (thời điểm phát sinh quá hạn) đến ngày 30/09/2023 là thời hạn chấm dứt hợp đồng, lãi suất 10%/ năm). Lãi quá hạn: 5,173,921 đồng (tính từ ngày chuyển nợ quá hạn ngày 20/10/2022 đến ngày 21/06/2024): bao gồm lãi quá hạn vốn: 4,084,675 đồng (lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc quá hạn tính bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn); lãi chậm trả: 1,089,247 đồng (lãi suất trên số dư lãi chậm trả tính bằng 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả) và lãi quá hạn sẽ tiếp tục được tính từ ngày 22/06/2024 cho đến khi bà Phạm Thị D1 thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với bà Phạm Thị D1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là nguyên đơn trong vụ án đã có mặt tại phiên toà. Bà Phạm Thị D1 (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố), đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà D1.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị D1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 36.673.921 đồng (Bằng chữ: ba mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi ba ngàn, chín trăm hai mươi mốt đồng chẵn), trong đó: Nợ gốc: 22.500.000 đồng. Nợ lãi trong hạn: 9.000.000 đồng. Nợ lãi quá hạn: 5.173.921 đồng (tính đến ngày 21/06/2024). Buộc bà Phạm Thị D1 phải tiếp tục trả lãi từ ngày 22/06/2024 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LD 1927300094 ngày 30/09/2019 cho đến khi thanh toán xong mọi khoản nợ.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và các phiên họp nhưng thể hiện trong hồ sơ vụ án bà D1 có nợ Ngân hàng TMCP S tiền gốc và tiền lãi như Ngân hàng trình bày.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số LD1927300094 ngày 30/09/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S với bà Phạm Thị D1 trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phạm Thị D1 đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, liên tục không trả nợ trong nhiều

kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà D1 vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do vi phạm các nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong hợp đồng nên Ngân hàng TMCP S đã khởi kiện. Việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị D1 phải trả số tiền gốc 22,500,000 đồng còn nợ nói trên là phù hợp với Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về lãi suất: HĐXX xét thấy:

Đối với số tiền lãi trong hạn: 9,000,000 đồng (tính từ ngày 20/10/2022 (thời điểm phát sinh quá hạn) đến ngày 30/09/2023 là thời hạn chấm dứt hợp đồng, lãi suất 10%/ năm). Lãi quá hạn: 5,173,921 đồng (tính từ ngày chuyển nợ quá hạn ngày 20/10/2022 đến ngày 21/06/2024): bao gồm lãi quá hạn vốn: 4,084,675 đồng (lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc quá hạn tính bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn); lãi chậm trả: 1,089,247 đồng (lãi suất trên số dư lãi chậm trả tính bằng 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả).

Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất và đề nghị bà D1 phải trả là phù hợp với Điều 2 quy định về lãi suất của hợp đồng tín dụng, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8 ,12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên HĐXX chấp nhận.

Do đó, buộc bà D1 phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 21/6/2024 là: 36.673.921 đồng, trong đó nợ gốc: 22.500.000 đồng, lãi trong hạn: 9.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.173.921 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 22/6/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất (Trong hạn và quá hạn) do các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: LD 1927300094 ngày 30/09/2019 trên số nợ gốc cho đến khi trả hết khoản nợ

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên bị đơn là bà Phạm Thị D1 phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bà Phạm Thị D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: **1.833.696 đồng** *(Một triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi sáu đồng)*.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **847.160 đồng** *(Tám trăm bốn mươi bảy ngàn, một trăm sáu mươi đồng)* theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0002889 ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP S đối với bà Phạm Thị D1.

Xử:

1. Buộc bà Phạm Thị D1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm tính đến ngày 21/6/2024 là: **36.673.921** đồng (Ba mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm hai mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc: **22.500.000** đồng, lãi trong hạn: **9.000.000** đồng, nợ lãi quá hạn: **5.173.921** đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 22/6/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất (Trong hạn và quá hạn) do các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: LD 1927300094 ngày 30/09/2019 trên số nợ gốc cho đến khi trả hết khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị D1 phải chịu: **1.833.696 đồng** *(Một triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi sáu đồng).*

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **847.160 đồng** *(Tám trăm bốn mươi bảy ngàn, một trăm sáu mươi đồng)* theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0002889 ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THA dân sự quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Thị Kim Nhung